TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Quế Ch, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn (bà Ch) có mặt tại phiên tòa, bị đơn (ông N) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 05/10/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Ch) trình bày*: Bà Nguyễn Thị Quế Ch và ông

Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh B ngày 30/12/2021. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 7/2022 cho đến nay. Vì vậy, bà Ch làm đơn yêu cầu ly hôn với ông N.

Quá trình chung sống bà Ch, ông N có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 15/7/1999; Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/8/2003. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành nên bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ch không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ngoài ra, bà Ch không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn (ông Nguyễn Văn N):* Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông N vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông N.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là "ly hôn".

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn đối với bị đơn; về con chung tên Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 15/7/1999; Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/8/2003 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn, kết quả Tòa án xác minh, xác định bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn".

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 05/10/2022, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn với các yêu cầu: Ly hôn; về con chung; về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh B vào ngày 30/12/2021. Hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, xác định quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm, chăm sóc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2022 cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp P, xã A, huyện D, tỉnh B. Hiện nay bị đơn vẫn còn sinh sống tại địa phương, ngày 30/11/2022, Tòa án cũng đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 418/TB-TLVA ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương cho bị đơn, bị đơn cũng đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án nêu trên nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì và cũng không hợp tác. Bị đơn cố tình vắng khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 15/7/1999; Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/8/2003 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Quế Ch đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc "ly hôn".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị Quế Ch ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

1.2. *Về con chung*: Đối với hai con chung tên Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 15/7/1999; Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/8/2003 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Đỗ Thị Quế Ch không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Quế Ch phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Ch đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0010960 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/5/2023).

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (số 40, ngày 30/12/2021);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Kim Phi

Lê Long Tỵ